

Bản án số: 70/2018/HSST  
Ngày: 16/5/2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH SƠN LA**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Văn Quyết.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lò Văn Thôn; ông Vi Văn Đồi.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Quang Hùng, thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa:** Ông Trần Mạnh Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2018/HSST ngày 12 tháng 02 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/QĐXXST-HS ngày 02/4/2018 đối với bị cáo sau đây:

*Họ và tên:* Vàng A T, sinh năm 1966; nơi ĐKKHKT: Bản N, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La; dân tộc: Mông; tôn giáo: Không; Chức vụ, đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Bị Ủy ban kiểm tra huyện uỷ ra Quyết định đình chỉ sinh hoạt số: 80 ngày 24.01.2018; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 5/12; con ông: Vàng A D (đã chết); con bà: Lù Thị G; vợ: Lý Thị D; tiền án, tiền sự: Không. Hiện đang thực hiện lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại bản N, xã C, huyện S. Có mặt tại phiên tòa.

*Nguyên đơn dân sự:* Bản N, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La. Đại diện là ông: Vàng A G - Phó Trưởng bản. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mặc dù gia đình đã được cấp 78.915 m<sup>2</sup> đất sản xuất từ năm 2010, nhưng Vàng A T cho rằng đất đã bị hoang hoá, bạc màu nên vào đầu tháng 3/2016 T đã cùng vợ là Lý Thị D, SN 1974 lên khu vực rừng Huổi C, là nương cũ của gia đình bỏ hoang trước đây để chặt phát rừng làm nương. Vợ chồng T dùng dao quắm chặt phát trong vòng 05 ngày. Những ngày đầu chặt hạ những cây có đường kính nhỏ, ngày cuối cùng T mua xăng về thuê một người đàn ông không

quen biết ở xã C dùng máy cưa chặt hạ những cây to có đường kính to. Được khoảng 01 tháng sau, T dùng bật lửa để đốt toàn bộ số cây đã chặt hạ, đốt xong những cây nào không cháy T thu gom thành từng đống. Đến tháng 6/2016 gia đình T trồng Lúa, cây Cam và Táo mèo lên khu vực đất rừng đã phá.

Sau khi phát hiện Vàng A T phá rừng làm nương, ngày 13/6/2017 UBND xã C ra quyết định số 78a về việc đình chỉ hành vi phá rừng trái pháp luật đối với Vàng A T.

Ngày 25/5/2017 tổ công tác Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện; , Viện kiểm sát nhân dân, Hạt kiểm lâm huyện S cùng với chính quyền xã C đến khu rừng bị chặt phá tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định diện tích rừng bị hủy hoại theo máy định vị GPS là 10.940 m<sup>2</sup> thuộc tiểu khu 666, khoảnh 1, lô g là rừng phòng hộ trạng thái rừng II B giao cho cộng đồng bản N quản lý và bảo vệ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 223/KL ngày 15/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy ban nhân dân huyện S kết luận:

*“1.378 cây gỗ có đường kính dưới 11cm, giá trị: 68.900.000 đồng; 254 cây gỗ tròn nhóm VI đường kính từ 12 đến 30 cm, khối lượng 38,342 m<sup>3</sup> giá trị: 69.000.000 đồng. Tổng giá trị 137.900.000 đồng”.*

Hành vi chặt phá 10.940 m<sup>2</sup> rừng phòng hộ để làm nương của Vàng A T đã vượt quá mức tối đa xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại điểm c, khoản 5, Điều 20 Nghị định số 157/2013/NĐ – CP của Chính phủ ngày 11/11/2013; Nghị định số 40/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 157/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản. Điều 12 Luật bảo vệ và phát triển rừng ngày 03/12/2004. Căn cứ điểm b mục 3.6 phần III Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT-BNN-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 08 tháng 3 năm 2007 về hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật hình sự các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản của Bộ Tài nguyên môi trường, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao. Hành vi trên của Vàng A T đã phạm vào tội Hủy hoại rừng, quy định Điều 189 BLHS.

Bản cáo trạng số 18/CT-VKSSM ngày 12 tháng 02 năm 2018, của Viện Kiểm sát nhân dân huyện S truy tố Vàng A T về tội Hủy hoại rừng, quy định tại điểm b khoản 3 Điều 189 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Do thiếu sự thống nhất giữa Ban quản lý cũ, mới bản N; bị cáo cho rằng là mảnh nương cũ của gia đình trước đây nên mới đi phát. Sử dụng canh tác mảnh nương này hơn một năm, (tức đã thu hoạch được một vụ lúa) thì sự việc mới bị cơ quan chức năng phát hiện, bị cáo đã bỏ hoang cho đến nay và tự nguyện bồi thường tại Chi cục thi hành án dân sự huyện S 20.000.000 đồng. Nay đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

Nguyên đơn dân sự cũng xác nhận: Cộng đồng bản N, xã C được giao quản lý khu rừng Huổi C làm rừng phòng hộ, thuộc rừng cấm chặt phá. Hộ gia đình ông T chặt phá thuộc tiểu khu 666, khoảnh 1, lô g, thuộc rừng phòng hộ trạng thái rừng IIb, là nương cũ của gia đình bị cáo trước đây. Từ khi được giao rừng, bản chỉ làm công tác quản lý, bảo vệ chưa được đầu tư gì nên không yêu cầu bị cáo bồi thường. Đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo cải tạo tại địa phương để chăm sóc, tái trồng lại rừng đã phá.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3 Điều 189; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, với mức thử thách 05 năm. Miễn phạt tiền cho bị cáo. Vật chứng xử lý theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện, chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, bị cáo, nguyên đơn dân sự cùng các chứng cứ khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra trước ngày Bộ luật hình sự 2015 có hiệu lực, nhưng khi xét xử thì Bộ luật hình sự 2015 đã có hiệu lực thi hành. So sánh tội "Huỷ hoại rừng" của hai Bộ luật (*BLHS năm 1999*) và (*BLHS năm 2015*) thì đều có khung hình phạt như nhau, (*tức không có lợi cho người phạm tội*). Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng các quy định tương ứng của các văn bản quy phạm pháp luật về hình sự của Bộ luật hình sự năm 1999 để giải quyết, xét xử đối với bị cáo.

[3] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn thống nhất với lời khai tại cơ quan Điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của nguyên đơn dân sự và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Thể hiện: Do thiếu đất sản xuất và chưa thống nhất được với cộng đồng bản Nhọt Có cùng chính quyền cơ sở, nên bị cáo đã cùng vợ chặt phá rừng phòng hộ, rừng cấm, diện tích là: 10.940m<sup>2</sup>. Gây thiệt hại về giá trị lâm sản là: 137.900.000 đồng (*Một trăm ba mươi bảy triệu chín trăm nghìn*). Hành vi phá rừng của bị cáo đã phạm vào tội "*Huỷ hoại rừng*", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản

3 Điều 189 Bộ luật hình sự. Như vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng, hủy hoại rừng phòng hộ, xâm phạm sự phát triển bền vững tài nguyên và môi trường, gây tiềm ẩn hiểm họa khôn lường đến môi trường sinh thái. Do đó, cần phải được xử lý bị cáo đúng mức, nhằm cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội; tích cực bồi thường và khắc phục hậu quả bằng việc nộp tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện theo biên lai 0000279 ngày 22/3/2018; tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chấp hành đúng các quyết định của cơ quan tố tụng trước khi xét xử; được chính quyền địa phương bảo lãnh. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được pháp luật quy định tại điểm b, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 cần áp dụng cho bị cáo được hưởng. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6] Xét quan điểm, đề nghị của Kiểm Sát viên tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ; được chính quyền địa phương bảo lãnh nên chấp đề nghị của Kiểm sát viên. Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, Hội đồng xét xử quyết định chuyển từ khoản 3 xuống khung hình phạt liên kề là khoản 2 Điều 189 Bộ luật hình sự năm 1999. Và không cần thiết áp dụng tù giam, mà xem xét cho bị cáo được hưởng án treo với mức thử thách thích hợp cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[7] Đối với Lý Thị D, chỉ tham gia phá rừng với vai trò là người giúp sức. Quá trình phá rừng đối tượng không nhận thức được là rừng phòng hộ, hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý hình sự đối với D là có căn cứ.

[8] Đối với người đàn ông không quen biết ở xã C theo bị cáo khai đã thuê chặt hạ cây rừng cho gia đình T, quá trình điều tra xác minh do không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ đề giải quyết.

[9] Vật chứng: Là 02 con dao quắm đã qua sử dụng, cần tịch thu xử lý theo quy định của pháp luật.

[10] Về dân sự của vụ án:

- Nguyên đơn dân sự không có yêu cầu bị cáo bồi thường, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

- Chấp nhận việc bị cáo tự bồi thường, khắc phục hậu quả 20 triệu đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện S. Số tiền còn lại bị cáo sẽ phải bồi thường tiếp.

[11] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có khả năng thi hành nên không áp dụng (*phạt tiền*) đối với bị cáo.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Vàng A T phạm tội Hủy hoại rừng.

1. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 189; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Vàng A T 36 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thử thách 05 năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (16/5/2018). Miễn phạt tiền cho bị cáo.

Giao bị cáo cho UBND xã C, huyện S, tỉnh Sơn La theo dõi, giáo dục.

*"Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự"*

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy:

01 (một) con dao quắm có tổng chiều dài là 80cm, phần cán dao được làm bằng gỗ có chiều dài 45cm, đường kính cán dao 03cm, phần lưỡi dao dài 36cm, phần bán rộng nhất 04cm, phần bán hẹp nhất 02cm có hình bán nguyệt, dao đã cũ qua sử dụng.

01 (một) con dao quắm có tổng chiều dài là 94cm, phần cán dao được làm bằng gỗ có chiều dài 60cm, có đường kính 03cm, phần lưỡi dao dài 34cm, phần bán rộng nhất 04cm, phần hẹp nhất 02cm, dao hình bán nguyệt, đã qua sử dụng.

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện S).*

3. Về Dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Vàng A T bồi thường cho Nhà nước (*Sung ngân sách Nhà nước*) là 137.900.000 đồng (*Một trăm ba mươi bảy triệu chín trăm nghìn*), nhưng được khấu trừ: 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu*) tiền bồi thường theo biên lai số 0000279 ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Sơn La.

Bị cáo phải bồi thường tiếp là 117.900.000 đồng (*Một trăm mười bảy triệu chín trăm nghìn*).

*"Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 20, 22 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, án phí dân sự 5.895.000 đồng. Tổng cộng là: 6.095.000 đồng.

Bị cáo; nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Toà án tỉnh;
- VKS huyện;
- Thị hành án hình sự;
- Thị hành án dân sự;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh;
- L- u HS;
- Lưu VP.

**Lường Văn Quyết**